

Bản án số: 77/2018/DS-ST
Ngày: 05 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST-DS ngày 20/9/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 857/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1963 (có mặt)

Cư trú tại: số nhà B, đường T, Khóm B, Phường N, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: 1. Bà Đặng Thị Tú T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số nhà H, đường N, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cư trú tại: số nhà B, đường T, Khóm B, Phường N, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Ngày 14/01/2012, bà Đặng Thị Tú T, ông Huỳnh Minh H vay bà Đ số tiền 60.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 05 tháng (từ ngày 14/01/2012 đến 14/6/2012), có biên nhận nợ viết tay với chữ ký, chữ ghi họ và tên do bà T, ông H ký, viết ra. Bà T, ông H thế chấp bà Đ giữ bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD, diện tích 131,3m², có nhà cấp 4 gắn trên đất. Đến ngày 29/9/2014, bà T, ông H nhận lại từ bà Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông H không thực hiện thanh toán nợ vốn, lãi như thỏa thuận. Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T, ông H trả bà Đ số tiền 60.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018, bà Đặng Thị Tú T, ông Huỳnh Minh H trình bày:

Biên nhận nợ ngày 14/01/2012 đúng chữ ký, chữ viết ghi họ và tên của bà T, ông H ký, viết ra ở mục “Người viết biên nhận”, “Đồng ý ký tên” và nội dung nhận lại từ bà Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD. Bà T, ông H thừa nhận vay bà Đ số tiền 60.000.000đ, thừa nhận nội dung Biên nhận ngày 14/01/2012 là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông H trả ông Đinh Văn Th là chồng bà Đ nhiều lần với tổng số tiền 25.000.000đ. Do tin tưởng ông Th, bà T - ông H không yêu cầu ông Th viết biên nhận có nhận từ bà T, ông H nhiều lần số tiền 25.000.000đ, nên tài liệu, chứng cứ chứng minh không có. Bà T, ông H thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 35.000.000đ, đồng ý trả bà Đ số tiền 35.000.000đ, hình thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 300.000đ cho đến khi hết nợ. Bà T, ông H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2018, ông Đinh Văn Th trình bày:

Số tiền 60.000.000đ theo biên nhận vay ngày 14/01/2012 là tiền của riêng bà Đ, không là tài sản chung của ông Th, bà Đ. Ông Th không nhận tiền từ vợ chồng ông H, bà T trả nhiều lần tổng cộng 25.000.000đ như ông H, bà T trình bày. Ông Th bảo lưu ý kiến này suốt quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm. Ông Th không ý kiến gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Đ. Buộc bà T, ông H liên đới trả bà Đ số tiền 60.000.000đ. Buộc bà T, ông H liên đới nộp 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ khởi kiện bà T, ông H tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện. Bà T, ông H, ông Th có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông H, ông Th. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 39, 184, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng vay tài sản ngày 14/01/2012 được xác lập giữa bà Đ và bà T, ông H là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi, có kỳ hạn. Bà T, ông H thừa nhận đúng chữ ký tên, chữ viết ghi họ và tên của bà T, ông H trong biên nhận ngày 14/01/2012, thừa nhận nghĩa vụ, nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Bà T, ông H trình bày trả ông Đinh Văn Th là chồng bà Đ nhiều lần với tổng số tiền 25.000.000đ, nhưng ông Th không thừa nhận lời trình bày của bà T, ông H. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình nên không có căn cứ đề Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ không đồng ý bị đơn trả dần mỗi tháng trả 300.000đ cho đến khi hết nợ, nên không cơ sở để Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận trả dần giữa các đương sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, ý kiến bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xác định có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Đ. Buộc bà T, ông H trả bà Đ số tiền 60.000.000đ.

[3] Án phí: Buộc bà T, ông H liên đới nộp 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 184, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Đ.

Buộc bà Đặng Thị Tú T, ông Huỳnh Minh H liên đới trả bà Nguyễn Ngọc Đ số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc bà Đặng Thị Tú T, ông Huỳnh Minh H liên đới nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0003967 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 3;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân

